HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **HUYỆN THAN UYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 107/NQ-HDND	*Than Uyên, ngày 21 tháng 7 năm 2023*

NGHỊ QUYẾT

Phân bổ, bổ sung kinh phí để thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách; điều chỉnh dự toán khối huyện, các đơn vị trường học để thực hiện các chế độ, chính sách và nhiệm vụ phát sinh năm 2023 tại Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 của HĐND huyện Than Uyên về dự toán ngân sách năm 2023

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN THAN UYÊN
KHÓA XXI, KỲ HỌP THỨ MƯỜI MỘT

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 của HĐND huyện Than Uyên về dự toán ngân sách địa phương năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 1025/QĐ-UBND ngày 18/7/2023 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phân bổ, bổ sung kinh phí để thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; kinh phí kỷ niệm 20 năm chia tách thành lập tỉnh; kinh phí thực hiện các chế độ chính sách và các nhiệm vụ phát sinh năm 2023;

Xét Tờ trình số 2222/TTr-UBND ngày 18/7/2023 của UBND huyện đề nghị ban hành Nghị quyết phân bổ, bổ sung chi tiết và điều chỉnh một số nội dung Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 của HĐND huyện về dự toán ngân sách năm 2023; Báo cáo thẩm tra số 116a/BC-HĐND ngày 18/7/2023 của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ, bổ sung kinh phí để thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách; điều chỉnh dự toán khối huyện, các đơn vị trường học để thực hiện các chế độ, chính sách và nhiệm vụ phát sinh năm 2023 tại Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 của HĐND huyện Than Uyên về dự toán ngân sách năm 2023, như sau:

I. Phân bổ, bổ sung kinh phí để thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; kinh phí thực hiện các chế độ chính sách và các nhiệm vụ phát sinh năm 2023.

Tổng kinh phí bổ sung: 4.877.550.000 đồng *(Bốn tỷ, tám trăm bảy mươi bảy triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng chẵn).* Trong đó:

1. Kinh phí thực hiện Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 2.426.000.000 đồng

Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch thuộc chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT - XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 (nguồn vốn sự nghiệp): 2.426.000.000 đồng.

2. Kinh phí hỗ trợ công tác xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2022 - 2025 năm 2023 (Theo Nghị quyết số 57/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022: 800.000.000 đồng.

3. Kinh phí xác định giá đất cụ thể theo nhiệm vụ được ủy quyền tại Quyết định số 696/QĐ-UBND ngày 22/5/2023: 953.000.000 đồng.

4. Kinh phí thực hiện Đề án xây dựng NTM gắn với du lịch (Vốn sự nghiệp): 515.000.000 đồng.

Nguồn kinh phí: Tại Quyết định số 1025/QĐ-UBND ngày 18/7/2023 của UBND tỉnh về việc phân bổ, bổ sung kinh phí để thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế -xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; kinh phí kỷ niệm 20 năm chia tách thành lập tỉnh; kinh phí thực hiện các chế độ chính sách và các nhiệm vụ phát sinh năm 2023.

5. Bổ sung kinh phí thực hiện chi trả các chế độ, chính sách an sinh xã hội và các nhiệm vụ phát sinh ngoài dự toán năm 2023: 183.550.000 đồng.

- Bổ sung kinh phí trợ cấp lần đầu theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08//10/2019: 14.900.000 đồng.

- Kinh phí Bộ phận 1 cửa Công an xã: 34.400.000 đồng.

- Chi nhiệm vụ phát sinh Chương trình Chào năm mới 2023: 4.250.000 đồng.

- Hỗ trợ kinh phí tạo dựng cảnh quan khu vực Pá Khôm xã Pha Mu phục vụ phát triển du lịch: 130.000.000 đồng.

Nguồn kinh phí: Khối xã chưa phân bổ tại Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 20/12/2023 của HĐND huyện Than Uyên về dự toán ngân sách địa phương năm 2023.

(Chi tiết tại phụ biểu số 01-06 kèm theo)

II. Điều chỉnh (tăng, giảm) dự toán kinh phí của các cơ quan, đơn vị; điều chỉnh chủ đầu tư từ nguồn kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và sự nghiệp thủy lợi với số tiền: 11.490.378.000 đồng *(Mười một tỷ, bốn trăm chín mươi triệu, ba trăm bảy mươi tám nghìn đồng chẵn).* Trong đó:

1. Kinh phí điều chỉnh (tăng, giảm) dự toán khối huyện: 1.639.818.000 đồng.

(Chi tiết tại phụ biểu số 07+08 kèm theo)

2. Kinh phí điều chỉnh (tăng, giảm) dự toán giữa các đơn vị trường học: 4.095.560.000 đồng.

(Chi tiết tại phụ biểu số 09 kèm theo)

3. Điều chỉnh đơn vị thực hiện và phân bổ chi tiết đối với nguồn kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi: 3.955.000.000 đồng.

(Chi tiết tại phụ biểu số 10 kèm theo)

4. Điều chỉnh chủ đầu tư đối với nguồn kinh phí sự nghiệp thủy lợi tại Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 20/12/2022: 1.800.000.000 đồng.

(Chi tiết tại phụ biểu số 11 kèm theo)

Nguồn kinh phí được giao tại Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 của HĐND huyện Than Uyên về dự toán ngân sách địa phương năm 2023.

Điều 2. Hội đồng nhân dân huyện giao

1. Uỷ ban nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện Than Uyên khóa XXI, kỳ họp thứ mười một thông qua ngày 21/7/2023 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:
- TT. HĐND, UBND tỉnh
- Sở KH&ĐT
- Sở Tài chính
- TT. Huyện uỷ

} b/c;

- TT. HĐND huyện
- Lãnh đạo UBND huyện;
- UBMTTQ VN huyện;
- Các Ban HĐND, Đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, đoàn thể huyện;
- HĐND, UBND thị trấn;
- Lưu: VT, TCKH.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN THAN UYÊN T. LAI CHÂU

Lò Văn Hương

Phụ biểu số 01

TỔNG HỢP PHÂN BỔ NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI; KINH PHÍ THỰC HIỆN CÁC CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH VÀ CÁC NHIỆM VỤ PHÁT SINH NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số: 107/NQ -HĐND ngày 21/7/2023 của HĐND huyện Than Uyên)

ĐVT: 1.000 Đồng

TT	Nguồn vốn phân bổ, nội dung thực hiện	Kinh phí phân bổ năm 2023	Ghi chú
I	**Nguồn kinh phí tại Quyết định số 1025/QĐ-UBND ngày 18/7/2023 của UBND tỉnh về việc phân bổ, bổ sung kinh phí để thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế -xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; kinh phí kỷ niệm 20 năm chia tách thành lập tỉnh; kinh phí thực hiện các chế độ chính sách và các nhiệm vụ phát sinh năm 2023**	**4.694.000**	
1	'Kinh phí thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT -XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 'Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch (Sự nghiệp văn hóa thông tin) Nguồn vốn sự nghiệp	2.426.000	Chi tiết phụ biểu số 02
2	Kinh phí hỗ trợ công tác xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2022-2025 năm 2023 (Theo Nghị quyết số 57/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	800.000	Chi tiết phụ biểu số 03
2	Kinh phí xác định giá đất cụ thể theo nhiệm vụ được ủy quyền tại Quyết định số 696/QĐ-UBND ngày 22/5/2023	953.000	Chi tiết phụ biểu số 04
3	Kinh phí thực hiện Đề án xây dựng NTM gắn với du lịch (Vốn sự nghiệp)	515.000	Chi tiết phụ biểu số 05
II	**Nguồn kinh phí tại Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 của HĐND huyện Than Uyên về dự toán ngân sách địa phương năm 2023**	**183.550**	
I	Nguồn kinh phí khối xã chưa phân bổ	183.550	Chi tiết phụ biểu số 06
	Tổng cộng	**4.877.550**	

Bằng chú: (Bốn tỷ, tám trăm bẩy mươi bẩy triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng chẵn)

Phụ biểu số 02

BIỂU TỔNG HỢP PHÂN BỔ KINH PHÍ

DỰ ÁN 6- BẢO TỒN PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG TỐT ĐẸP CỦA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ GẮN VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KT-XH VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ & MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số: 107/NQ -HĐND ngày 21/7/2023 của HĐND huyện Than Uyên)

ĐVT: 1.000 Đồng

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức	Thành tiền	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch				**2.426.000**		
1	**Nội dung 9: Hỗ trợ hoạt động cho đội văn nghệ truyền thống tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**				**1.507.000**		
1.1	Chi hỗ trợ đội văn nghệ bản Đông - xã Mường Than	Đội	1	75.350	75.350	UBND xã Mường Than	
1.2	Chi hỗ trợ đội văn nghệ bản Én Luông - xã Mường Than	Đội	1	75.350	75.350		
1.3	Chi hỗ trợ đội văn nghệ Bản Nà Khương xã Mường Kim	Đội	1	75.350	75.350	UBND xã Mường Kim	
1.4	Chi hỗ trợ đội văn nghệ bản Chiềng Ban 1 - xã Mường Kim	Đội	1	75.350	75.350		
1.5	Chi hỗ trợ đội văn nghệ bản Muông - xã Mường Cang	Đội	1	75.350	75.350	UBND xã Mường Cang	
1.6	Chi hỗ trợ đội văn nghệ bản Cang Mường - xã Mường Cang	Đội	1	75.350	75.350		
1.7	Chi hỗ trợ đội văn nghệ bản Co Phày xã Mường Cang	Đội	1	75.350	75.350		
1.8	Chi hỗ trợ đội văn nghệ bản Cáp Na 1 - xã Tà Hừa	Đội	1	75.350	75.350	UBND xã Tà Hừa	
1.9	Chi hỗ trợ đội văn nghệ bản Khá - xã Tà Mung	Đội	1	75.350	75.350	UBND xã Tà Mung	
1.10	Chi hỗ trợ đội văn nghệ bản Xoong - xã Tà Mung	Đội	1	75.350	75.350		
1.11	Chi hỗ trợ đội văn nghệ bản Mường - xã Mường Mít	Đội	1	75.350	75.350	UBND xã Mường Mít	
1.12	Chi hỗ trợ đội văn nghệ bản Củng - xã Ta Gia	Đội	1	75.350	75.350	UBND xã Ta Gia	
1.13	Chi hỗ trợ đội văn nghệ bản Mè - xã Ta Gia	Đội	1	75.350	75.350		
1.14	Chi hỗ trợ đội văn nghệ bản Hua Nà - xã Hua Nà	Đội	1	75.350	75.350	UBND xã Hua Nà	
1.15	Chi hỗ trợ đội văn nghệ bản On xã Khoen On	Đội	1	75.350	75.350	UBND xã Khoen On	
1.16	Chi hỗ trợ đội văn nghệ bản Hua Đán - xã Khoen On	Đội	1	75.350	75.350		
1.17	Chi hỗ trợ đội văn nghệ bản Che Bó - xã Phúc Than	Đội	1	75.350	75.350	UBND xã Phúc Than	
1.18	Chi hỗ trợ đội văn nghệ bản Nà xa - xã Phúc Than	Đội	1	75.350	75.350		
1.19	Chi hỗ trợ đội văn nghệ bản Mớ xã Phúc Than	Đội	1	75.350	75.350		

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức	Thành tiền	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
1.20	Chi hỗ trợ đội văn nghệ bản Pá Khôm - xã Pha Mu	Đội	1	75.350	75.350	UBND xã Pha Mu	
2	**Nội dung 6: Hỗ trợ chương trình nghiên cứu, phục dựng, bảo tồn, phát triển văn hóa phi vật thể (Dân tộc Khơ Mú huyện Than Uyên)**				**527.180**	Trung tâm Văn hóa - TT & Truyền thông	Khoản 6.3 Điều 6: Hướng dẫn số 1684 /HD-BVHTTDL ngày 28/4/2023 của Bộ Văn hóa
3	**Nội dung 8: Xây dựng câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân gian (Xây dựng CLB dân ca dân vũ dân tộc Khơ Mú huyện Than Uyên)**	**CLB**	**2**	**150.700**	**301.400**		
4	**Nội dung số 18: Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hoá, thể thao và trang thiết bị tại thôn vùng đồng bào DTTS&MN: Hỗ trợ trang thiết bị 08 nhà văn hóa (Căn cứ TT 2393/VBHN-BVHTTDL ngày 22/7/2014; Ý 18 trang 22 Dự án 6 Quyết định 1719/QĐ-TTg)**				**90.420**	Phòng Văn hóa -TT	Khoản 18.2 Điều 18: Hướng dẫn số 1684 /HD-BVHTTDL ngày 28/4/2023 của Bộ Văn hóa
	Hỗ trợ trang thiết bị nhà văn hóa				***90.420***		
4.1	Nhà văn hóa bản Chế Hạng xã Khoen On	Nhà	1	45.210	45.210		
4.2	Nhà văn hóa bản Hua Chít, xã Tà Hừa	Nhà	1	45.210	45.210		

Số tiền bằng chữ (Hai tỷ, bốn trăm hai mươi sáu triệu đồng chẵn)

Phụ biểu số 03

BIỂU TỔNG HỢP KINH PHÍ HỖ TRỢ CÔNG TÁC XÓA MÙ CHỮ TRÊN ĐỊA BÀN GIAI ĐOẠN 2022-2025 NĂM 2023 THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 57/2022/NQ-HĐND NGÀY 09/12/2022

(Kèm theo Nghị quyết số: 107/NQ -HĐND ngày 21/7/2023 của HĐND huyện Than Uyên)

ĐVT: 1000 đồng

STT	Nội dung	Kinh phí thực hiện năm 2023	Ghi chú
Kinh phí hỗ trợ công tác xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025		**800.000**	Đối ứng thực hiện chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi
1	Trường Tiểu học xã Mường Than	74.925	
2	Trường Tiểu học xã Phúc Than	76.025	
3	Trường Tiểu học xã Mường Mít	74.774	
4	Trường Tiểu học Hua Nà	27.775	
5	Trường Tiểu học Mường Cang	73.125	
6	Trường Tiểu học Mường Kim	97.200	
7	Trường PTDT bán trú Tiểu học Tà Mung	77.024	
8	Trường Tiểu học Ta Gia	73.032	
9	Trường PTDT bán trú Tiểu học Khoen On	97.848	
10	Trường PTDT bán trú Tiểu học Tà Hừa	52.482	
11	Trường Tiểu học và THCS xã Pha Mu	75.790	

Phụ biểu số 04

BIỂU TỔNG HỢP KINH PHÍ XÁC ĐỊNH GIÁ ĐẤT CỤ THỂ THEO CÁC NHIỆM VỤ ĐƯỢC ỦY QUYỀN TẠI QUYẾT ĐỊNH 696/QĐ-UBND NGÀY 22/5/2023

(Kèm theo Nghị quyết số: 107/NQ -HĐND ngày 21/7/2023 của HĐND huyện Than Uyên)

ĐVT: 1000 đồng

STT	Nội dung	Kinh phí thực hiện năm 2023	Đơn vị thực hiện
Tổng kinh phí		**953.000**	
1	Kinh phí xác định giá đất cụ thể theo nhiệm vụ được ủy quyền tại Quyết định số 696/QĐ-UBND ngày 22/5/2023	953.000	Phòng Tài chính -KH

Số tiền bằng chữ (Chín trăm năm mươi ba triệu đồng chẵn)

Phụ biểu số 05

BIỂU TỔNG HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN XÂY DỰNG NTM GẮN VỚI DU LỊCH (VỐN SỰ NGHIỆP) TỪ NGUỒN DƯ DỰ TOÁN, TIẾT KIỆM CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2022- CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM 2023 CỦA TỈNH LAI CHÂU

(Kèm theo Nghị quyết số: 107/NQ -HĐND ngày 21/7/2023 của HĐND huyện Than Uyên)

ĐVT: 1000 đồng

STT	Nội dung	Địa điểm	Kinh phí thực hiện năm 2023	Ghi chú
Tổng kinh phí			**515.000**	
II	**Vốn sự nghiệp**		**515.000**	
1	Trồng cây xanh, bồn hoa, cây cảnh ven đường nội bản và đường xuống bến thuyền	Thẩm Phé	250.000	UBND xã Mường Kim
2	Hỗ trợ kinh phí mua sắm xe đẩy rác, thùng chứa rác; hỗ trợ vật liệu, san gạt bãi xử lý rác thải	Thẩm Phé	265.000	

Số tiền bằng chữ (Năm trăm mười lăm triệu đồng chẵn)

Phụ biểu số 06

TỔNG HỢP BỔ SUNG NGUỒN KINH PHÍ KHỐI XÃ NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số: 107/NQ -HĐND ngày 21/7/2023 của HĐND huyện Than Uyên)

ĐVT: 1.000 Đồng

TT	Nguồn vốn phân bổ, nội dung thực hiện	Kinh phí phân bổ năm 2023	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
	Nguồn kinh phí tại Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 của HĐND huyện Than Uyên về dự toán ngân sách địa phương năm 2023	**183.550**		
I	**Nguồn kinh phí khối xã chưa phân bổ**	**183.550**		
1	BSKP trợ cấp lần đầu theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08//10/2019	14.900	UBND xã Tà Hừa	
2	Kinh phí bộ phận 1 cửa công an xã	34.400	UBND xã Tà Mung	
3	Chi nhiệm vụ phát sinh Chương trình chào năm mới 2023	4.250		
4	Hỗ trợ kinh phí tạo dựng cảnh quan khu vực Pá Khôm xã Pha Mu phục vụ phát triển du lịch	130.000	UBND xã Pha Mu	

Bằng chú: Một trăm tám mươi ba triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng chẵn

Phụ biểu số 07

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CÁC CƠ QUAN KHỐI HUYỆN NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số: 107/NQ -HĐND ngày 21/7/2023 của HĐND huyện Than Uyên)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Số TT	Nội dung	Số đã giao năm 2023	Điều chỉnh		Số dự toán sau điều chỉnh	Ghi chú
			Giảm	Tăng		
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4=(1-2+3)*	*5*
	Tổng cộng	**9.215.676**	**1.639.818**	**1.639.818**	**9.215.676**	
I	**Điều chỉnh nội dung chi giữa các cơ quan, đơn vị**	**3.818.324**	**1.531.049**	**1.531.049**	**3.818.324**	
1	**Văn phòng HĐND-UBND**	**3.818.324**	**1.531.049**	**1.531.049**	**3.818.324**	
	Các nhiệm vụ phát sinh ngoài dự toán	3.818.324	1.531.049	1.531.049	**3.818.324**	
1.1	**Văn phòng HĐND-UBND**			**324.480**	**344.480**	
	Kinh phí BCĐ kỳ thi tốt nghiệp năm 2023	20.000		30.000	50.000	Đầu năm đã cấp 20 triệu đồng tại QĐ 4456 ngày 20/12/2022
	Hỗ trợ học sinh khó khăn tham gia kỳ thi tốt nghiệp năm 2023	-		69.480	69.480	
	Kinh phí bảo dưỡng xe ô tô (BKS 25C-6699; BKS 25A-00293)	-		225.000	225.000	
1.2	**UBMT Tổ Quốc Việt Nam huyện**	-		**27.000**	**27.000**	
	Kinh phí Hội nghị biểu dương người cao tuổi tiêu biểu làm kinh tế giỏi giai đoạn 2018-2023	-		27.000	27.000	
1.3	**Phòng Văn hóa và Thông tin**	-		**189.500**	**189.500**	
	Kinh phí tổ chức lớp tập huấn nâng cao nhận thức về du lịch cộng đồng	-		38.500	38.500	
	Kinh phí xây dựng cột cờ Tà Mung, biển dấu mốc xã Khoen On năm 2023	-		72.000	72.000	
	Kinh phí Ban vận động thực hiện nếp sống văn hóa mới trong đồng bào dân tộc Mông	-		19.000	19.000	
	Kinh phí tổ chức cuộc thi sáng tác biểu tượng (Logo) và khẩu hiệu (Slogan) du lịch Than Uyên			60.000	60.000	
1.4	**Phòng Nông nghiệp & PTNT**	-		**10.500**	**10.500**	
	Hội nghị tuyên truyền và tham gia ý kiến dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định khu vực không được phép hoạt động chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép hoạt động chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Lai Châu	-		10.500	10.500	
1.5	**Công an huyện**	-		**265.000**	**265.000**	
	Bổ sung kinh phí thực hiện ANTT	-		220.000	220.000	
	Kinh phí lắp đặt Camera an ninh			45.000	45.000	
1.6	**Các đơn vị trường học và Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - GDTX (36 đơn vị)**	-		**108.000**	**108.000**	
	Hỗ trợ duy trì các Câu lạc bộ bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc trong các nhà trường và Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	-		108.000	108.000	Có Phụ lục số 08 kèm theo
1.7	**Huyện ủy**	-		**259.447**	**259.447**	

	Thuê bao truyền hình trực tuyến từ tỉnh đến huyện	-		50.468	50.468	Theo Công văn 717-CV/VPTU ngày 10/4/2023
	Kinh phí tăng lương, phụ cấp các khoản đóng góp	-		208.979	208.979	Do tăng 01 biên chế + 06 công chức luân chuyển đến hệ số lương cao hơn so với dự toán cấp đầu năm, phụ cấp kiêm nhiệm HĐND 10% của Đ/c Bí thư Huyện ủy
1.8	**Trường THPT Than Uyên**	-		**20.000**	**20.000**	
	Hỗ trợ tổ chức Lễ kỷ niệm 50 năm ngày thành lập trường	-		20.000	20.000	
1.9	**Ban Chỉ huy Quân sự huyện**	-		**292.090**	**292.090**	
	Chi hỗ trợ nhiệm vụ Quốc phòng năm 2023	-		292.090	292.090	
1.10	**Phòng Tài nguyên và Môi trường**	-		**35.032**	**35.032**	
	Kinh phí lương + các khoản đóng góp tăng so với dự toán đầu năm	-		19.032	19.032	Theo QĐ 1297 ngày 05/4/2023 và QĐ 51a ngày 13/01/2023 của UBND huyện
	Hội nghị lấy ý kiến của nhân dân đối với dự thảo Luật Đất đai sửa đổi	-		16.000	16.000	Theo QĐ số 578/QĐ-UBND ngày 14/02/2023 của UBND huyện
II	**Điều chỉnh nội dung chi trong đơn vị**	**5.397.352**	**108.769**	**108.769**	**5.397.352**	
1	**Huyện ủy**	**5.397.352**	**108.769**	**108.769**	**5.397.352**	Điều chỉnh do tăng lương + tăng biên chế
	Phụ cấp công tác Đảng + phụ cấp công vụ	1.248.880	108.769		1.140.111	
	Kinh phí tăng lương, phụ cấp các khoản đóng góp	4.148.472		108.769	4.257.241	

Bằng chữ: Một tỷ, sáu trăm ba mươi chín triệu, tám trăm mười tám nghìn đồng chẵn

Phụ biểu 08

PHỤ LỤC HỖ TRỢ DUY TRÌ CÁC CÂU LẠC BỘ BẢO TỒN, PHÁT HUY BẢN SẮC VĂN HÓA CÁC DÂN TỘC TRONG CÁC NHÀ TRƯỜNG VÀ TRUNG TÂM GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP - GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

(Kèm theo Nghị quyết số: 107/NQ -HĐND ngày 21/7/2023 của HĐND huyện Than Uyên)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Số TT	Nội dung	Khoản	Nguồn	Số tiền	Ghi chú
A	*B*	*C*	*D*	*1*	*2*
	KINH PHÍ THỰC HIỆN KHÔNG TỰ CHỦ			**108.000**	
1	**Cấp Mầm non**	-		**36.000**	
1.1	Trường Mầm non thị trấn	071	12	3.000	
1.2	Trường Mầm non xã Mường Cang	071	12	3.000	
1.3	Trường Mầm non xã Mường Than	071	12	3.000	
1.4	Trường Mầm non xã Phúc Than	071	12	3.000	
1.5	Trường Mầm non xã Mường Kim	071	12	3.000	
1.6	Trường Mầm non xã Hua Nà	071	12	3.000	
1.7	Trường Mầm non xã Tà Hừa	071	12	3.000	
1.8	Trường Mầm non xã Pha Mu	071	12	3.000	
1.9	Trường Mầm non xã Mường Mít	071	12	3.000	
1.10	Trường Mầm non xã Tà Mung	071	12	3.000	
1.11	Trường Mầm non xã Ta Gia	071	12	3.000	
1.12	Trường Mầm non xã Khoen On	071	12	3.000	
2	**Cấp Tiểu học**			**30.000**	
2.1	Trường Tiểu học Thị trấn Than Uyên	072	12	3.000	
2.3	Trường Tiểu học xã Hua Nà	072	12	3.000	
2.4	Trường Tiểu học xã Mường Kim	072	12	3.000	
2.5	Trường Tiểu học xã Ta Gia	072	12	3.000	
2.6	Trường Tiểu học xã Mường Than	072	12	3.000	
2.7	Trường Tiểu học xã Phúc Than	072	12	3.000	
2.8	Trường PTDTBT Tiểu học xã Tà Mung	072	12	3.000	
2.10	Trường PTDTBT Tiểu học xã Tà Hừa	072	12	3.000	
2.11	Trường Tiểu học xã Mường Mit	072	12	3.000	
2.12	Trường Tiểu học và THCS xã Pha Mu	072	12	3.000	
3	**Cấp THCS**			**30.000**	
3.1	Trường THCS Thị trấn Than Uyên	073	12	3.000	
3.2	Trường THCS xã Mường Cang	073	12	3.000	

3.3	Trường THCS xã Hua Nà	073	12	3.000	
3.4	Trường THCS xã Mường Kim	073	12	3.000	
3.5	Trường THCS xã Ta Gia	073	12	3.000	
3.6	Trường THCS xã Mường Than	073	12	3.000	
3.7	Trường THCS xã Phúc Than	073	12	3.000	
3.8	Trường PTDTBT THCS xã Tà Hừa	073	12	3.000	
3.9	Trường Tiểu học và THCS xã Pha Mu	073	12	3.000	
3.10	Trường THCS xã Mường Mit	073	12	3.000	
4	**Trường Trung học phổ thông và Trung tâm GDNN-GDTX**			**12.000**	
4.1	Trường THPT Than Uyên	074	12	3.000	
4.2	Trường THPT Mường Kim	074	12	3.000	
4.3	Trường THPT Mường Than	074	12	3.000	
4.4	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuy	075	12	3.000	

Số tiền bằng chữ: (Một trăm linh tám triệu đồng chẵn)

Phụ biểu số 09

PHỤ BIỂU ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CÁC ĐƠN VỊ TRƯỜNG HỌC NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số: 107/NQ -HĐND ngày 21/7/2023 của HĐND huyện Than Uyên)

Đơn vị: Nghìn đồng

Số TT	Nội dung	Khoản	Nguồn	Số đã giao năm 2023	Điều chỉnh		Số dự toán sau điều chỉnh	Ghi chú
					Giảm	Tăng		
A	*B*	*C*	*D*	*1*	*2*	*3*	*4=(1-2+3)*	*5*
	KINH PHÍ THỰC HIỆN TỰ CHỦ			**225.650.000**	**(4.095.560)**	**4.095.560**	**225.650.000**	
1	**Cấp Mầm non**	-		**65.100.956**	**(604.517)**	**841.550**	**65.337.989**	
1.1	Trường Mầm non thị trấn Than Uyên	071	13	7.828.599	(4.003)		7.824.596	
1.2	Trường Mầm non xã Mường Cang	071	13	5.097.210	(24.120)		5.073.090	
1.3	Trường Mầm non xã Mường Than	071	13	7.437.145	(127.790)		7.309.355	
1.4	Trường Mầm non xã Phúc Than	071	13	9.676.558		11.046	9.687.604	
1.5	Trường Mầm non xã Mường Kim	071	13	8.324.198		196.122	8.520.320	
1.6	Trường Mầm non xã Hua Nà	071	13	3.175.930		20.404	3.196.334	
1.7	Trường Mầm non xã Tà Hừa	071	13	2.925.555	(106.010)		2.819.545	
1.8	Trường Mầm non xã Pha Mu	071	13	1.821.170	(46.495)		1.774.675	
1.9	Trường Mầm non xã Mường Mít	071	13	2.515.450	(181.720)		2.333.730	
1.10	Trường Mầm non xã Tà Mung	071	13	5.727.940		409.830	6.137.770	
1.11	Trường Mầm non xã Ta Gia	071	13	5.131.112		44.006	5.175.118	
1.12	Trường Mầm non xã Khoen On	071	13	5.123.089	(114.379)		5.008.710	

1.13	Phòng Nội vụ	71	13	317.000		160.142	477.142	
2	**Cấp Tiểu học**			**100.816.436**	**(2.903.468)**	**52.762**	**97.965.730**	
2.1	Trường Tiểu học Thị trấn Than Uyên	072	13	8.912.036	(159.124)		8.752.912	
2.2	Trường Tiểu học xã Mường Cang	072	13	7.744.549		24.430	7.768.979	
2.3	Trường Tiểu học xã Hua Nà	072	13	5.318.619	(283.514)		5.035.105	
2.4	Trường Tiểu học xã Mường Kim	072	13	16.407.302	(164.713)		16.242.589	
2.5	Trường Tiểu học xã Ta Gia	072	13	8.375.437	(701.666)		7.673.771	
2.6	Trường Tiểu học xã Mường Than	072	13	10.304.966		28.332	10.333.298	
2.7	Trường Tiểu học xã Phúc Than	072	13	13.853.984	(589.309)		13.264.675	
2.8	Trường PTDTBT Tiểu học xã Tà Mung	072	13	8.574.270	(93.844)		8.480.426	
2.9	Trường PTDTBT Tiểu học xã Khoen On	072	13	9.230.525	(158.240)		9.072.285	
2.10	Trường PTDTBT Tiểu học xã Tà Hừa	072	13	4.920.790	(521.671)		4.399.119	
2.11	Trường Tiểu học xã Mường Mít	072	13	4.644.208	(121.872)		4.522.336	
2.12	Trường Tiểu học và THCS xã Pha Mu	072	13	2.044.750	(108.586)		1.936.164	
2.13	Phòng Nội vụ	072	13	485.000	(929)		484.071	
3	**Cấp THCS**			**59.732.608**	**(587.575)**	**3.201.248**	**62.346.281**	
3.1	Trường THCS Thị trấn Than Uyên	073	13	4.773.599		432.058	5.205.657	
3.2	Trường THCS xã Mường Cang	073	13	4.363.379		34.074	4.397.453	
3.3	Trường THCS xã Hua Nà	073	13	3.185.091		82.234	3.267.325	

3.4	Trường THCS xã Mường Kim	073	13	9.697.182		301.711	9.998.893	
3.5	Trường THCS xã Ta Gia	073	13	4.736.687	(470.537)		4.266.150	
3.6	Trường PTDTBT THCS xã Khoen On	073	13	6.497.836		293.741	6.791.577	
3.7	Trường THCS xã Mường Than	073	13	5.109.224		681.822	5.791.046	
3.8	Trường THCS xã Phúc Than	073	13	6.772.443		462.486	7.234.929	
3.9	Trường PTDTBT THCS xã Tà Mung	073	13	5.892.915		419.482	6.312.397	
3.10	Trường PTDTBT THCS xã Tà Hừa	073	13	3.378.494		204.862	3.583.356	
3.11	Trường Tiểu học và THCS xã Pha Mu	073	13	2.261.512	(117.038)		2.144.474	
3.12	Trường THCS xã Mường Mít	073	13	2.780.245		247.005	3.027.250	
3.13	Phòng Nội vụ	073	13	284.000		41.773	325.773	

Số tiền bằng chữ (Bốn tỷ, không trăm chín mươi lăm triệu, năm trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn)

Phụ biểu số 10

BIỂU ĐIỀU CHỈNH VÀ PHÂN BỔ KINH PHÍ HỖ TRỢ TIỀN SỬ DỤNG SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH THUỶ LỢI NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số: 107/NQ -HĐND ngày 21/7/2023 của HĐND huyện Than Uyên)

ĐVT: 1.000 Đồng

TT	Điều chỉnh đơn vị thực hiện		Tổng diện tích	Trong đó				Định mức hỗ trợ theo (đồng/vụ/ha)			Theo định mức nhu cầu kinh phí cần hỗ trợ theo diện tích thực hiện	Kế hoạch vốn tỉnh giao năm 2023	Ghi chú
	Tại NQ số 83/NQ-HĐND ngày 20/12/0222 của HĐND huyện	Sau điều chỉnh		Vụ chiêm (ha)	Vụ mùa (ha)	Màu (ha)	Thủy sản (ha)	Lúa	Màu	Thuỷ sản			
1	*2*		*3=4+5+6+7*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9=8*40%*	*10*	*11=(4+5)*8+6*9+7*10*	*12*	*13*
	Tổng Cộng		**3.318,7**	**1.378,1**	**1.803,50**	**64,20**	**72,90**				**4.247.000**	**3.955.000**	-
1	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Xã Phúc Than	666,0	249,4	397,7	11,3	7,6	1.267	507	2.500	845.000	787.000	
2		Xã Mường Than	523,6	246,00	251,50	16,80	9,30	1.267	507	2.500	662.000	616.000	
3		Xã Mường Mít	105,2	48,00	48,00	6,50	2,70	1.267	507	2.500	132.000	123.000	
4		Xã Tà Hừa	118,0	49,00	65,00	-	4,00	1.267	507	2.500	154.000	143.000	
5		TT Than Uyên	108,0	51,22	51,20	1,40	4,20	1.267	507	2.500	141.000	131.000	
6		Xã Hua Nà	138,5	64,00	64,00	7,90	2,60	1.267	507	2.500	173.000	161.000	
7		Xã Mường Cang	473,4	225,70	225,90	9,50	12,30	1.267	507	2.500	608.000	566.000	
8		Xã Mường Kim	482,0	213,20	264,80	-	4,00	1.267	507	2.500	616.000	574.000	
9		Xã Pha Mu	35,1	10,50	24,50	-	0,10	1.267	507	2.500	45.000	42.000	
10		Xã Tà Mung	212,0	61,10	133,60	10,80	6,50	1.267	507	2.500	268.000	250.000	
11		Xã Khoen On	228,3	52,40	158,20	-	17,70	1.267	507	2.500	311.000	290.000	
12		Xã Ta Gia	228,5	107,50	119,10	-	1,90	1.267	507	2.500	292.000	272.000	

Bằng chữ: Ba tỷ, chín trăm năm mươi lăm triệu đồng chẵn

Phụ biểu số 11

BIỂU ĐIỀU CHỈNH CHỦ ĐẦU TƯ TẠI BIỂU 35 NGHỊ QUYẾT SỐ 83/NQ-HĐND NGÀY 20 THÁNG 12 NĂM 2022 CỦA HĐND HUYỆN THAN UYÊN

(Kèm theo Nghị quyết số: 107/NQ -HĐND ngày 21/7/2023 của HĐND huyện Than Uyên)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Lý do, mục tiêu		Nội dung đầu tư		Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn	Chủ đầu tư		Ghi chú
				Tại NQ số 83/NQ-HĐND ngày 20/12/0222 của HĐND huyện	Sau điều chỉnh	Tại NQ số 83/NQ-HĐND ngày 20/12/0222 của HĐND huyện	Sau điều chỉnh			Tại NQ số 83/NQ-HĐND ngày 20/12/0222 của HĐND huyện	Sau điều chỉnh	
I	**Tổng cộng**							**1.800.000**				
1	Duy tu bảo dưỡng công trình Thủy lợi bản Múi 1, Múi 2 xã Khoen On	Xã Khoen On	2023	- Công trình được đầu tư năm 2010 trong quá trình sử dụng đến nay đã có một đoạn bị đất đá vùi lấp, đứt gãy kênh và bong tróc, xói đáy kênh và bong tróc, xói đáy kênh. - Đảm bảo nguồn nước tưới tiêu cho: 12ha vụ chiêm và 24 ha vụ mùa.		Láng lại toàn bộ đáy kênh, sửa chữa lại những đoạn kênh bị gãy, nạo vét khơi thông toàn bộ tuyến kênh, bổ sung tấm đan đậy nắp kênh		200.000	Sự nghiệp thủy lợi	Phòng NN&PTNT	UBND xã Khoen On	
2	Duy tu bảo dưỡng công trình thủy lợi khu 8, khu 9, bản Khiêng thị trấn Than Uyên	Thị trấn Than Uyên	2023	- Công trình được đầu tư năm 2010 trong quá trình sử dụng đến nay đã có một đoạn bị đất đá vùi lấp, đứt gãy kênh và bong tróc, xói đáy kênh và bong tróc, xói đáy kênh. - Đảm bảo nguồn nước tưới tiêu cho: 35 ha vụ chiêm và 16 ha vụ mùa.	- Công trình được đầu tư năm 2010 trong quá trình sử dụng đến nay đã có một đoạn bị đất đá vùi lấp, đứt gãy kênh và bong tróc, xói đáy kênh. - Hệ thống van điều tiết nước bị hỏng. - Đảm bảo nguồn nước tưới tiêu cho: 35 ha vụ chiêm và 16 ha vụ mùa. - Thân đập bị sụt lún, nứt vỡ	Gia cố lại tuyến kênh bị đứt gãy, kè bảo vệ kênh, láng lại đáy kênh bị hỏng	- Gia cố lại tuyến kênh bị đứt gãy, kè bảo vệ kênh, láng lại đáy kênh bị hỏng. - Duy tu, sửa chữa các thiết bị hỏng hóc tại Hồ thủy lợi bản Khiêng và Hồ thủy lợi khu 9; gia cố thân đập bị sụt lún Hồ thủy lợi khu 9	230.000	Sự nghiệp thủy lợi	Phòng NN&PTNT	UBND Thị trấn Than Uyên	
3	Duy tu bảo dưỡng, sửa chữa công trình thủy lợi bản Cập na 1,2,3 xã Tà Hừa	Xã Tà Hừa	2023	- Được đầu tư năm 2003 trong quá trình sử dụng đến nay đã có một đoạn bị đất đá vùi lấp, đứt gãy kênh và bong tróc, xói đáy kênh và bong tróc, xói đáy kênh. - Đảm bảo nguồn nước tưới tiêu cho: 18 ha ruộng 02 vụ		Gia cố lại tuyến kênh bị đứt gãy, kè bảo vệ kênh, láng lại đáy kênh bị hỏng		300.000	Sự nghiệp thủy lợi	Phòng NN&PTNT	UBND xã Tà Hừa	
4	Duy tu bảo dưỡng, sửa chữa công trình thủy lợi bản Phường xã Hua Nà	Xã Hua Nà	2023	- Công trình bị hư hỏng do ảnh hưởng của thiên tai sạt lở ta luy dương vùi lấp, đứt gãy 100m kênh mương - Đảm bảo nguồn tưới tiêu cho 10ha ruộng 02 vụ		Gia cố lại tuyến kênh bị đứt gãy, kè bảo vệ kênh.		120.000	Sự nghiệp thủy lợi	Phòng NN&PTNT	UBND xã Hua Nà	
5	Duy tu bảo dưỡng, sửa chữa công trình thủy lợi bản Hua Đán xã Khoen On	Xã Khoen On	2023	- Công trình được đầu tư năm 2009 tuy nhiên do mưa lũ đến nay đã có một đoạn bị đứt gãy kênh và bong tróc, xói đáy kênh - Đảm bảo nguồn nước tưới tiêu cho: 34 ha lúa 02 vụ		Kè gia cố bảo vệ kênh, sửa lại tuyến kênh bị đứt gãy, láng thành kênh và đáy kênh.		200.000	Sự nghiệp thủy lợi	Phòng NN&PTNT	UBND xã Khoen On	

6	Duy tu bảo dưỡng, sửa chữa công trình thủy lợi bản Huổi Hoi, bản Mường xã Mường Mit	Xã Mường Mit	2023	- Công trình được đầu tư năm 2009 tuy nhiên do mưa lũ đến nay đã có một đoạn bị đứt gãy kênh và bong tróc, xói đáy kênh - Đảm bảo nguồn nước tưới tiêu cho: 13 ha lúa 02 vụ		Kè gia cố bảo vệ kênh, sửa lại tuyến kênh bị đứt gãy; láng thành kênh và đáy kênh.		150.000	Sự nghiệp thủy lợi	Phòng NN&PTNT	UBND xã Mường Mit	
7	Duy tu bảo dưỡng, sửa chữa công trình thủy lợi bản Lản Giẳng, Cẩm Trung xã Mường Than	Xã Mường Than	2023	- Công trình được đầu tư năm 2009 tuy nhiên do mưa lũ đến nay đã có một đoạn bị đứt gãy kênh và bong tróc, xói đáy kênh - Đảm bảo nguồn nước tưới tiêu cho: 26 ha lúa 02 vụ		Gia cố lại tuyến kênh bị đứt gãy, kè bảo vệ kênh		300.000	Sự nghiệp thủy lợi	Phòng NN&PTNT	UBND xã Mường Than	
8	Duy tu bảo dưỡng, sửa chữa công trình thủy lợi bản Mé, bản Nam xã Ta Gia	Xã Ta Gia	2023	- Công trình được đầu tư năm 2010 đến nay đã có một đoạn bị đứt gãy kênh và bong tróc, xói đáy kênh - Đảm bảo nguồn nước tưới tiêu cho: 5 ha lúa 02 vụ		Láng lại toàn bộ đáy kênh, sửa chữa lại những đoạn kênh bị gãy, kè gia cố bảo vệ kênh, sửa lại tuyến kênh đứt gãy		300.000	Sự nghiệp thủy lợi	Phòng NN&PTNT	UBND xã Ta Gia	

Số tiền bằng chữ: Một tỷ tám trăm triệu đồng

Lý do điều chỉnh điều chỉnh: - Điều chỉnh Chủ đầu tư theo Quyết định số 1300/QĐ-UBND ngày 05/6/2023 của UBND tỉnh Lai Châu về việc giao quản lý kết cấu hạ tầng thủy lợi trên địa bàn huyện Than Uyên;

- Điều chỉnh quy mô công trình: Duy tu bảo dưỡng công trình thủy lợi khu 8, khu 9, bản Khiêng thị trấn Than Uyên do một số hạng mục công trình bị xuống cấp, hệ thống van điều tiết bị hỏng không đảm bảo phục vụ nguồn nước tưới tiêu cho người dân